



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026
Học phần: Phân tích tài chính doanh nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1101020003	Đặng	Phương Anh	31/01/2005	KD11A	01	228	3,5	1	Anh	lẻ
2	000002	1101020913	Đỗ	Vũ Quỳnh Anh	23/11/2005	KD11A	01	229	8,8	1	Anh	chẵn
3	000003	1001020038	Nguyễn	Hữu Anh	28/02/2004	KD11A	01	230	3,8	1	Anh	lẻ
4	000004	1101020018	Nguyễn	Nhật Anh	26/08/2005	KD11A	01	231	5,8	1	Anh	chẵn
5	000005	1101020023	Nguyễn	Thị Lan Anh	11/01/2005	KD11A	01	232	4,3	1	Lan	lẻ
6	000006	1101020044	Phạm	Thanh Bình	19/01/2005	KD11A	01	233	5,0	1	Bình	chẵn
7	000007	1101020050	Đỗ	Quyết Chiến	15/06/2005	KD11A	01	234	4,0	1	Chiến	lẻ
8	000008	1101020934	Phạm	Thị Tuyết Chinh	02/09/2005	KD11A	01	235	5,5	1	Chinh	chẵn
9	000009	1101020064	Cầm	Minh Đức	13/12/2005	KD11A	01	236	4,5	1	Đức	lẻ
10	000010	1101020069	Nguyễn	Thị Thùy Dương	21/01/2003	KD11A	01	237	4,3	1	Dương	chẵn
11	000011	1101020944	Lê	Thị Duyên	05/04/2005	KD11A	01	238	4,8	1	Duyên	lẻ
12	000012	1101020081	Cao	Thị Thu Hà	08/02/2005	KD11A	01	239	6,5	1	Hà	chẵn
13	000013	1101020393	Lê	Thị Thu Hà	21/11/2005	KD11A	01	240	6,5	1	Hà	lẻ
14	000014	1101020086	Tô	Thu Hà	18/03/2005	KD11A	01	241	5,0	1	Hà	chẵn
15	000015	1101020953	Mai	Thị Thanh Hằng	06/02/2005	KD11A	01	242	5,3	1	Hằng	lẻ
16	000016	1101020095	Phan	Thị Hiền	05/10/2005	KD11A	01	243	6,0	1	Hiền	chẵn
17	000017	1101020097	Nguyễn	Thị Hiền	08/11/2005	KD11A	01	244	3,3	1	Hiền	lẻ
18	000018	1101020963	Vũ	Thanh Hoa	21/11/2005	KD11A	01	245	6,0	1	Hoa	chẵn
19	000019	1101021358	Hoàng	Phi Hùng	17/07/2003	KD11A	01	246	6,3	1	Hùng	lẻ
20	000020	1101020969	Nguyễn	Lan Hương	19/04/2005	KD11A	01	247	5,0	1	Hương	chẵn
21	000021	1001020980	Nguyễn	Thị Lan Hương	30/12/2004	KD11A	01	248	5,8	1	Hương	lẻ
22	000022	1101020115	Phùng	Thị Hường	07/05/2005	KD11A	01	249	5,5	1	Hường	chẵn
23	000023	1101020972	Đào	Thị Thanh Huyền	16/09/2005	KD11A	01	250	4,0	1	Huyền	lẻ
24	000024	0810211730	Nguyễn	Văn Khải	18/10/2002	KD11A	01	251	6,8	1	Khải	chẵn
25	000025	1101020587	Nguyễn	Thị Quỳnh Liên	12/09/2005	KD11A	01	252	5,5	1	Liên	lẻ
26	000026	1101020153	Ngô	Phương Linh	23/01/2005	KD11A	01	253	4,5	1	Linh	chẵn
27	000027	1101020986	Nguyễn	Thị Khánh Linh	23/04/2005	KD11A	01	254	6,0	1	Linh	lẻ
28	000028	1101020158	Nguyễn	Thị Ngọc Linh	26/01/2005	KD11A	01	255	6,0	1	Linh	chẵn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000029	1101021381	Phạm Thùy	Linh	03/10/2005	KD11A	01	256	5,8	1	Linh	Lẻ
30	000030	1101020170	Nguyễn Minh	Loan	25/07/2005	KD11A	01	257	9,0	2	Loan	Chẵn
31	000031	1101020621	Đỗ Thị Tuyết	Mai	26/11/2005	KD11A	01	258	5,8	1	Mai	Lẻ
32	000032	1101020997	Trần Nguyễn Thảo	My	28/08/2005	KD11A	01	259	2,3	1	My	Chẵn
33	000033	1101021006	Phạm Thị	Ngân	15/08/2003	KD11A	01	260	6,5	1	Ngân	Lẻ
34	000034	1101020206	Nguyễn Bích	Ngọc	03/10/2005	KD11A	01	261	6,0	1	Ngọc	Chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 34.....

Tổng số tờ giấy thi: 35.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 12 tháng 01 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2


Nguyễn T. H. + Cảnh


Bùi T. M. Nhâm



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026
Học phần: Phân tích tài chính doanh nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000035	1101021338	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	13/12/2005	KD11A	01	98	4,5	01	Ngọc	le
2	000036	1001020243	Đỗ Quốc	Oai	01/01/2004	KD11A	01	99	4,0	01	Cai	chấn
3	000037	1101020244	Thái Minh	Quân	09/02/2005	KD11A	01	100	4,5	01	Quân	le'
4	000038	1101021341	Lê Thị Như	Quỳnh	17/04/2005	KD11A	01	101	4,5	01	Quỳnh	chấn
5	000039	1101021031	Nguyễn Minh	Tâm	24/06/2005	KD11A	01	102	5,0	01	Tâm	le'
6	000040	1101020266	Nguyễn Phương	Thảo	11/02/2005	KD11A	01	103	6,8	01	Thảo	chấn
7	000041	1101020273	Đỗ Minh	Thư	14/03/2005	KD11A	01	104	3,5	01	Thư	le
8	000042	1101020277	Phạm Thị	Thư	25/02/2005	KD11A	01	105	6,5	01	Thư	chấn
9	000043	1101020284	Hoàng Thị	Thúy	03/11/2005	KD11A	01	106	9,0	01	Thúy	le'
10	000044	1101021050	Đào Huyền	Trang	03/06/2005	KD11A	01	107	8,0	1	Trang	chấn
11	000045	1101020299	Nguyễn Mai	Trang	26/03/2005	KD11A	01	108	2,8	1	Trang	le
12	000046	1101020303	Nguyễn Thị Hà	Trang	28/10/2005	KD11A	01	109	8,5	2	Trang	chấn
13	000047	1101021055	Nguyễn Thị Huyền	Trang	14/06/2005	KD11A	01	110	4,0	1	Trang	le'
14	000048	1101021059	Phương Thùy	Trang	30/07/2005	KD11A	01	111	6,5	1	Trang	chấn
15	000049	1101021063	Nguyễn Duy	Tuân	03/05/2005	KD11A	01	112	4,5	01	Tuân	le'
16	000050	1101020318	Cao Thị Thanh	Tuyền	12/06/2005	KD11A	01	113	8,3	01	Tuyền	chấn
17	000051	1101020322	Nguyễn Thái	Vân	07/12/2005	KD11A	01	114	4,5	01	Thái	le
18	000052	1101021070	Ngô Hải	Yến	04/01/2005	KD11A	01	115	6,5	01	Yến	chấn
19	000053	1001020101	Nguyễn Trà	Giang	26/02/2004	KD11E	01	116	3,3	01	Giang	le'
20	000054	1001020201	Vũ Quang	Minh	21/01/2004	KD10H	02	117	5,3	01	Minh	chấn
21	000055	1101020002	Bùi Quế	Anh	14/08/2005	KD11B	02	118	3,5	01	Anh	le'
22	000056	1101021260	Dương Phương	Anh	10/12/2005	KD11B	02	119	6,5	01	Anh	chấn
23	000057	1101021343	Nguyễn Quỳnh	Anh	13/09/2005	KD11B	02	120	4,8	01	Anh	le'
24	000058	1001020936	Nguyễn Thị Vân	Anh	18/12/2004	KD11B	02	121	5,3	01	Anh	chấn
25	000059	1101020027	Phạm Lan	Anh	16/04/2005	KD11B	02	122	4,5	01	Anh	le'
26	000060	1001020053	Tạ Tuấn	Anh	28/08/2004	KD11B	02	123	5,3 = không	01	Anh	chấn
27	000061	1001020059	Nguyễn Ngọc	Ánh	29/04/2004	KD11B	02	124	3,0	01	Anh	le'
28	000062	1001020069	Phạm Ngọc	Bích	11/08/2004	KD11B	02	125	5,0	01	Bích	chấn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000063	1101020058	Nguyễn Thị	Diễm	03/03/2005	KD11B	02	126	7,5	1	Điểm	lẻ
30	000064	1101020065	Nguyễn Hữu	Đức	29/06/2005	KD11B	02	127	7,3	1	Điểm	chẵn
31	000065	1101020070	Ninh Thị Thùy	Dương	25/05/2005	KD11B	02	128	9,8	1	Điểm	lẻ
32	000066	1101020071	Phạm Thị Thùy	Dương	05/12/2005	KD11B	02	129	5,8	1	Điểm	chẵn
33	000067	1101020073	Bùi Vũ Thùy	Giang	19/08/2005	KD11B	02	130	3,5	01	Điểm	lẻ
34	000068	1101020535	Trần Thị Hương	Giang	02/01/2005	KD11B	02	131	5,0	01	Điểm	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 34

Tổng số tờ giấy thi: 35

Tổng số biên bản: 01

Ngày 12 tháng 1 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Cao Thị Hằng

Đinh Thị Liên



132-163

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Phân tích tài chính doanh nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Chữ chú
1	000069	1101020080	Vũ Thị	Giang	23/05/2005	KD11B	02	132	6,0	1	Giang	lẻ
2	000070	1101020087	Trần Thu	Hà	14/05/2005	KD11B	02	133	6,8	1	Nữ	chẵn
3	000071	1101020100	Nguyễn Thị	Hoa	22/09/2005	KD11B	02	134	5,3	1	Hoa	lẻ
4	000072	1101020562	Phùng Tuấn	Hùng	01/06/2005	KD11B	02	135	4,5	1	Hùng	chẵn
5	000073	1101020968	Đỗ Thị Lan	Hương	12/03/2005	KD11B	02	136	6,0	1	Hương	lẻ
6	000074	1101020116	Đỗ Thanh	Huyền	10/10/2005	KD11B	02	137	5,8	1	Thanh	chẵn
7	000075	1101021281	Nguyễn Thị Minh	Huyền	21/05/2005	KD11B	02	138	8,0	1	Huyền	lẻ
8	000076	1101020132	Đỗ Ngọc	Lan	03/08/2005	KD11B	02	139	6,3	1	Lan	chẵn
9	000077	1101020980	Trần Thị Phương	Liên	23/10/2005	KD11B	02	140	5,0	1	Liên	lẻ
10	000078	1101020149	Lương Thị Ngọc	Linh	22/08/2005	KD11B	02	141	7,3	1	Linh	chẵn
11	000079	1101020984	Nguyễn Khánh	Linh	20/03/2005	KD11B	02	142	6,5	1	Khánh	lẻ
12	000080	1101020160	Nguyễn Thùy	Linh	17/12/2005	KD11B	02	143	6,5	1	Linh	chẵn
13	000081	1101020171	Nguyễn Thị Phương Loan		03/07/2005	KD11B	02	144	8,8	1	Loan	lẻ
14	000082	1101021337	Phùng Thị Hải	Ly	24/03/2005	KD11B	02	145	8,0	1	Ly	chẵn
15	000083	1101021336	Bùi Thanh	Mai	16/02/2005	KD11B	02	146	6,8	1	Mai	lẻ
16	000084	1101021349	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	09/02/2005	KD11B	02	147	6,3	1	Mai	chẵn
17	000085	1101020185	Nguyễn Tuyết	Mai	10/12/2005	KD11B	02	148	6,5	1	Mai	lẻ
18	000086	1101021000	Phạm Phương	Nam	08/11/2005	KD11B	02	149	7,3	1	Nam	chẵn
19	000087	1101020202	Nguyễn Thị Hồng	Ngát	26/06/2005	KD11B	02	150	7,0	1	Ngát	lẻ
20	000088	1101020413	Nguyễn Thị Khánh	Ngọc	19/03/2005	KD11B	02	151	8,8	1	Ngọc	chẵn
21	000089	1001021556	Chu Yến	Nhi	04/08/2004	KD11B	02	152	2,5	1	Nhi	lẻ
22	000090	1101020878	Đỗ Trang	Nhung	10/06/2005	KD11B	02	153	7,3	1	Nhung	chẵn
23	000091	1101020226	Nguyễn Cẩm	Nhung	02/11/2005	KD11B	02	154	6,3	1	Nhung	lẻ
24	000092	1101020667	Lê Thanh	Phúc	03/05/2005	KD11B	02	155	6,0	1	Phúc	chẵn
25	000093	1101020232	Bùi Thu	Phương	12/06/2005	KD11B	02	156	6,3	1	Phu	lẻ
26	000094	1101020241	Trần Thị Hoài	Phương	28/07/2005	KD11B	02	157	8,3	1	Ph	chẵn
27	000095	1101020251	Nguyễn Như	Quỳnh	02/05/2005	KD11B	02	158	5,5	1	Quynh	lẻ
28	000096	1101020256	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	30/09/2005	KD11B	02					HP,ĐK

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000097	1101021033	Hoàng Thị Phương	Thảo	29/05/2005	KD11B	02	159	6,8	1	Thảo	le'
30	000098	1101021396	Nguyễn Thị	Thảo	03/02/2005	KD11B	02	160	7,3	1	Thảo	Chấn
31	000099	1101020271	Vũ Thị Ngọc	Thu	19/10/2005	KD11B	02	161	6,0	1	Thảo	le'
32	000100	1101020278	Phạm Thị Minh	Thư	24/04/2005	KD11B	02					ĐK
33	000101	1101020285	Lê Thị Phương	Thùy	14/03/2005	KD11B	02	162	8,5	1	Thùy	le'
34	000102	1101020290	Lê Thị Thuý	Tình	23/10/2005	KD11B	02	163	8,5	1	Tình	chấn

Tổng số sinh viên dự thi:....32..

Tổng số tờ giấy thi:.....32

Tổng số biên bản:....0.....

Ngày 12 tháng 04 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2


Đặng Thị Mai


Hoàng Thị Duyên



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026
Học phần: Phân tích tài chính doanh nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000103	1101020300	Nguyễn Quỳnh	Trang	10/03/2005	KD11B	02	64	4,5	1	Trang	lẻ
2	000104	1101020305	Nguyễn Thị Thu	Trang	02/07/2005	KD11B	02	65	5,5	1	Trang	chẵn
3	000105	1101020309	Trần Huyền	Trang	15/08/2005	KD11B	02	66	4,0	1	Trang	lẻ
4	000106	1101020315	Nguyễn Việt	Tuấn	20/01/2005	KD11B	02	67	4,0	1	Tuấn	chẵn
5	000107	1101021066	Phạm Ngọc	Vi	04/10/2004	KD11B	02	68	8,3	1	Vi	lẻ
6	000108	1101020748	Nguyễn Quang	Vinh	13/03/2004	KD11B	02	69	3,8	1	Vinh	chẵn
7	000109	1101020331	Bùi Thị	Yến	11/01/2005	KD11B	02	70	2,5	1	Yến	lẻ
8	000110	1001020145	Cao Đức	Huy	28/08/2004	KD11C	02	71	3,5	1	Huy	chẵn
9	000111	1001020926	Phạm Thị Thúy	An	11/11/2004	KD11C	03	72	2,5	1	An	lẻ
10	000112	1101021258	Đặng Trần Tuấn	Anh	20/01/2005	KD11C	03	73	6,8	1	Anh	chẵn
11	000113	1101020013	Hoàng Thị Lan	Anh	24/09/2005	KD11C	03	74	5,0	1	Anh	lẻ
12	000114	1101020014	Nghiêm Thị Quỳnh	Anh	15/06/2005	KD11C	03	75	4,8	1	Q. Anh	chẵn
13	000115	1101020022	Nguyễn Thị Hải	Anh	02/06/2005	KD11C	03	76	5,3	1	H. Anh	lẻ
14	000116	1101020026	Phạm Hoàng Hà	Anh	08/07/2005	KD11C	03	77	6,5	1	Anh	chẵn
15	000117	1101020032	Trương Thị Mai	Anh	11/09/2005	KD11C	03	78	7,3	1	Anh	lẻ
16	000118	1101020034	Vũ Thị Hồng	Anh	10/09/2005	KD11C	03	79	8,5	1	Anh	chẵn
17	000119	1101020927	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	10/04/2005	KD11C	03	80	7,0	1	Anh	lẻ
18	000120	1101020039	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/05/2005	KD11C	03	81	4,0	1	Anh	chẵn
19	000121	1101020041	Phạm Ngọc	Ánh	30/08/2005	KD11C	03	82	6,5	1	Anh	lẻ
20	000122	1101021413	Đặng Thị Linh	Chi	04/01/2005	KD11C	03	83	8,0	1	Chi	chẵn
21	000123	1101020054	Nguyễn Thị Anh	Đào	02/01/2005	KD11C	03	84	5,3	1	Đào	lẻ
22	000124	1101020066	Nguyễn Thanh	Dung	31/12/2005	KD11C	03	85	6,8	1	Dung	chẵn
23	000125	1101020941	Trịnh Công	Dương	23/11/2005	KD11C	03	86	5,5	1	Dương	lẻ
24	000126	1101020075	Đào Thị Hương	Giang	21/07/2005	KD11C	03	87	4,0	01	Giang	chẵn
25	000127	1101020948	Lê Thị Thu	Hà	01/07/2005	KD11C	03	88	6,5	01	Hà	lẻ
26	000128	1101020088	Trần Đình	Hải	09/03/2005	KD11C	03	89	5,0	01	Hải	chẵn
27	000129	1101021452	Nguyễn Hồng	Hạnh	05/11/2004	KD11C	03	90	7,0	01	Hạnh	lẻ
28	000130	1101020101	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	18/04/2005	KD11C	03	91	4,8	1	Hòa	chẵn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000131	1101021342	Nguyễn Thanh	Hoài	19/08/2005	KD11C	03	92	6,5	1	Hoài	lẻ
30	000132	1101020112	Nguyễn Thị Thanh	Hương	21/09/2005	KD11C	03	93	4,75	1	Hương	chẵn
31	000133	1101020126	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	13/04/2005	KD11C	03	94	3,3	1	Ngọc	lẻ
32	000134	1101020593	Đoàn Phương	Linh	09/10/2005	KD11C	03	95	6,5	1	Linh	chẵn
33	000135	1101020146	Lê Nguyễn Thùy	Linh	23/09/2005	KD11C	03	96	7,5	01	Linh	lẻ
34	000136	1101020162	Phạm Thùy	Linh	07/03/2005	KD11C	03	97	7,0	02	Linh	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 34

Tổng số tờ giấy thi: 25

Tổng số biên bản: 0

Ngày 12 tháng 1 năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Nguyễn T. Phương Hoa Nguyễn T. Cẩm Nhung



327 - 358

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Phân tích tài chính doanh nghiệp

Chấm lể'

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000137	1101020164	Trần Phương	Linh	07/04/2005	KD11C	03	327	7,0	01	Linh	lể'
2	000138	1101020165	Vũ Hà	Linh	30/07/2005	KD11C	03	328	5,3	01	Linh	chấn
3	000139	1101020173	Trương Thị	Luyến	20/10/2005	KD11C	03	329	Không	01	Luyến	lể' BB
4	000140	1101020199	Lê Hồng	Ngân	11/07/2005	KD11C	03	330	4,3	01	Ngân	chấn
5	000141	1101020203	Bùi Thị	Ngọc	15/09/2005	KD11C	03	331	5,5	01	Ngọc	lể'
6	000142	1101020208	Phạm Ánh	Ngọc	25/11/2005	KD11C	03	332	5,3	01	Ngọc	chấn
7	000143	1001021034	Dương Hoàng	Nhi	14/12/2003	KD11C	03	333	5,3	01	Nhi	lể'
8	000144	1101020216	Kiều Yến	Nhi	24/10/2005	KD11C	03	334	7,5	02	Nhi	chấn
9	000145	1101021016	Nguyễn Hồng	Nhung	29/05/2005	KD11C	03	335	5,3	01	Quân	lể'
10	000146	1101021022	Chu Lan	Phương	05/07/2005	KD11C	03	336	7,5	01	Phượng	chấn
11	000147	1101021024	Trịnh Thu	Phương	08/11/2005	KD11C	03	337	5,0	01	Phượng	lể'
12	000148	1101020252	Nguyễn Thị	Quỳnh	29/04/2005	KD11C	03	338	Không	(BB) 01	Quỳnh	chấn
13	000149	1101020259	Bùi Thị Phương	Thanh	23/11/2005	KD11C	03	339	4,8	01	Thảo	lể'
14	000150	1101021034	Hoàng Thị Thu	Thảo	04/11/2005	KD11C	03	340	7,8	01	Thảo	chấn
15	000151	1101020706	Cầm Văn	Thủ	25/01/2005	KD11C	03	341	5,3	01	Thủ	lể'
16	000152	1101020279	Lê Hồng	Thức	05/10/2005	KD11C	03	342	4,8	01	Thức	chấn
17	000153	1101020286	Trần Phương	Thùy	20/01/2005	KD11C	03	343	6,0	01	Thùy	lể'
18	000154	1101020902	Đinh Thị Yến	Trang	29/01/2005	KD11C	03	344	6,8	01	Trang	chấn
19	000155	1101020301	Nguyễn Quỳnh	Trang	08/10/2005	KD11C	03	345	5,5	01	Trang	lể'
20	000156	1101020310	Trần Thị Huyền	Trang	30/08/2005	KD11C	03	346	8,3	01	Trang	chấn
21	000157	1001020326	Đỗ Quang	Tùng	13/09/2004	KD11C	03	347	1,3	01	Tùng	lể'
22	000158	1101021067	Phạm Đức	Việt	22/08/2005	KD11C	03	348	7,8	01	Việt	chấn
23	000159	1101020326	Nguyễn Hà	Vy	18/04/2005	KD11C	03	349	6,3	01	Vy	lể'
24	000160	0901020345	Trần Quốc	Huy	19/04/2001	KD9C	03					HP,ĐK
25	000161	1101020005	Đào Ngọc	Anh	22/07/2005	KD11D	04	350	6,5	01	Anh	lể'
26	000162	1101020012	Đồng Mai	Anh	01/05/2003	KD11D	04	351	6,3	01	Anh	chấn
27	000163	1101020015	Ngô Hoàng	Anh	16/10/2005	KD11D	04	352	6,0	01	Anh	lể'
28	000164	1101020024	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	30/01/2005	KD11D	04	353	6,3	01	Anh	chấn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000165	1101020030	Trần Diệu	Anh	15/01/2005	KD11D	04	354	5,5	01	<i>Ag</i>	l2
30	000166	1101020035	Vũ Thị Phương	Anh	16/07/2005	KD11D	04	355	4,5	1	<i>Anh</i>	chất
31	000167	1101021328	Trần Quốc Việt	Bách	01/09/2002	KD11D	04	356	4,5	1	Bach	L2
32	000168	1101020511	Lộc Thành	Đạt	13/09/2005	KD11D	04	357	5,5	1	<i>Đạt</i>	chất
33	000169	1101020067	Đào Thị Thùy	Dương	22/12/2005	KD11D	04	358	6,8	1	<i>Đt</i>	l2
34	000170	1101021346	Đặng Ngọc	Duy	11/11/2004	KD11D	04					HP, ĐK

Tổng số sinh viên dự thi: *32*.....

Tổng số tờ giấy thi: *33*.....

Tổng số biên bản: *02*.....

Ngày *12* tháng *01* Năm *2026* *HW*

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Huyền

Vũ Thị Thắng



262-294

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Phân tích tài chính doanh nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000171	1101020076	Phạm Thị Hương	Giang	10/02/2005	KD11D	04	262	7,8	01	Giang	Lẻ
2	000172	1101021339	Lê Thị Thu	Hà	21/11/2005	KD11D	04	263	6,5	02	Hà	chẵn
3	000173	1101020809	Nguyễn Thu	Hà	14/01/2005	KD11D	04	264	6,5	01	Hà	lẻ
4	000174	1101020089	Trần Minh	Hải	12/10/2005	KD11D	04	265	7,2	02	Hải	chẵn
5	000175	1101020093	Phạm Thu	Hằng	23/09/2005	KD11D	04	266	8,0	01	Hằng	lẻ
6	000176	1101021182	Nguyễn Như	Hanh	17/11/2005	KD11D	04	267	2,0	01	Hanh	chẵn
7	000177	1101020096	Đinh Thúy	Hiền	21/05/2005	KD11D	04	268	5,3	01	Hiền	lẻ
8	000178	1101020959	Bùi Công	Hiếu	08/04/2005	KD11D	04	269	7,8	01	Hiếu	chẵn
9	000179	1101021443	Phạm Đức	Hiếu	02/08/2000	KD11D	04	270	7,0	01	Hiếu	lẻ
10	000180	1101020962	Nguyễn Quỳnh	Hoa	19/04/2005	KD11D	04	271	5,0	01	Hoa	chẵn
11	000181	1101020108	Đinh Thúy	Hồng	05/11/2005	KD11D	04	272	5,3	01	Hồng	lẻ
12	000182	1101021329	Phạm Thu	Hường	18/08/2000	KD11D	04	273	8,3	01	Hường	chẵn
13	000183	1101020117	Đỗ Thị Khánh	Huyền	23/09/2005	KD11D	04	274	5,5	01	Huyền	lẻ
14	000184	1101020121	Nguyễn Ngọc	Huyền	30/04/2005	KD11D	04	275	6,8	01	Huyền	chẵn
15	000185	1101021330	Nguyễn Thu	Huyền	01/10/2005	KD11D	04	276	5,8	01	Huyền	lẻ
16	000186	1101020135	Nguyễn Ngọc	Lan	10/09/2005	KD11D	04	277	6,8	01	Lan	chẵn
17	000187	1101020141	Đặng Mạnh	Linh	11/07/2005	KD11D	04	278	7,0	01	Linh	lẻ
18	000188	1101020145	Hoàng Thị Thùy	Linh	11/12/2005	KD11D	04	279	7,0	01	linh	chẵn
19	000189	1101020155	Nguyễn Thị Diệu	Linh	21/08/2005	KD11D	04	280	5,0	01	Diệu	lẻ
20	000190	1101020167	Vũ Quang	Linh	29/07/2005	KD11D	04	281	4,8	01	Linh	chẵn
21	000191	1101020178	Trần Thị Vân	Ly	10/10/2005	KD11D	04	282	6,0	01	ly	lẻ
22	000192	1101020181	Đặng Ngọc	Mai	11/07/2005	KD11D	04	283	4,0	1	Mai	chẵn
23	000193	1101020189	Trần Vũ Hồng	Minh	04/12/2005	KD11D	04	284	5,3	01	minh	lẻ
24	000194	1101020190	Vũ Thị Nguyệt	Minh	11/10/2005	KD11D	04	285	7,0	01	Minh	chẵn
25	000195	1101021437	Đỗ Thị Thục	Mỹ	15/04/2005	KD11D	04	286	5,8	01	Mỹ	lẻ
26	000196	1101020196	Lê Thị	Nga	23/09/2005	KD11D	04	287	7,8	01	Nga	chẵn
27	000197	1101021011	Hoàng Thị Huyền	Ngọc	24/07/2005	KD11D	04	288	5,3	01	Ngọc	lẻ
28	000198	1101020209	Nguyễn Đình	Nguyễn	08/09/2005	KD11D	04	289	8,3	01	Nguyễn	chẵn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000199	1101020217	Nguyễn Ngọc	Nhi	15/05/2005	KD11D	04	290	5,0	1	Nhi	Lẻ
30	000200	1101020224	Nguyễn Thị	Như Ý	14/07/2005	KD11D	04	291	6,25	1	Ý	chẵn
31	000201	1101021017	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	06/04/2005	KD11D	04	292	5,0	1	Nhung	Lẻ
32	000202	1101020235	Lê Thị Thu	Phuong	14/03/2005	KD11D	04	293	5,25	1	Phuong	Chẵn
33	000203	1101020247	Đào Diễm	Quỳnh	26/12/2005	KD11D	04	294	6,8	1	Quỳnh	Lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 33.....

Tổng số tờ giấy thi: 35.....

Tổng số biên bản: 2.....

Ngày 11 tháng 11 Năm 2015

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trần Thị Lưu

Đoàn Văn Sơn



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Phân tích tài chính doanh nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000204	1101020253	Trần Thị Diệu	Quỳnh	28/07/2005	KD11D	04	164	2,3	1	Quỳnh	Chấn
2	000205	1101021032	Đào Thị	Thanh	22/08/2005	KD11D	04	165	8,0	1	Thanh	le
3	000206	1101020263	Lê Thị	Thảo	17/10/2005	KD11D	04	166	8,8	1	Thảo	chấn
4	000207	1101021038	Nguyễn Thu	Thảo	29/05/2005	KD11D	04	167	5,5	1	Thu	le
5	000208	1101021393	Nguyễn Thị Anh	Thư	02/12/2005	KD11D	04	168	5,3	1	Phu	chấn
6	000209	1101020281	Nguyễn Hoài	Thương	28/07/2005	KD11D	04	169	6,3	1	Thương	le
7	000210	1101020287	Đặng Thanh	Thủy	04/08/2005	KD11D	04	170	6,8	1	Thủy	chấn
8	000211	1101020296	Lê Hà	Trang	24/11/2005	KD11D	04	171	7,3	1	Trang	le
9	000212	1101020302	Nguyễn Quỳnh	Trang	31/07/2005	KD11D	04					HP,ĐK
10	000213	1101020311	Vũ Quang	Triển	08/10/2005	KD11D	04	172	2,8	1	Triển	le
11	000214	1101021065	Phùng Phương	Uyên	01/01/2005	KD11D	04	173	6,0	1	Uyên	chấn
12	000215	1101020324	Nguyễn Thị Hồng	Vinh	22/11/2005	KD11D	04	174	6,5	1	Vinh	le
13	000216	1101021410	Đặng Thị	Yến	06/02/2003	KD11D	04	175	5,5	1	Yến	chấn
14	000217	1101020333	Nguyễn Hải	Yến	29/06/2005	KD11D	04	176	6,8	1	Yến	le
15	000218	1101020004	Đặng Thị Ngọc	Anh	23/08/2005	KD11E	05	177	5,5	1	Anh	chấn
16	000219	1101020008	Đỗ Thị Mai	Anh	08/10/2005	KD11E	05	178	6,5	1	Anh	le
17	000220	1101020016	Nguyễn Diệp	Anh	17/09/2005	KD11E	05	179	5,5	1	AB	Chấn
18	000221	1101020019	Nguyễn Phương	Anh	06/11/2005	KD11E	05	180	6,5	1	le	le
19	000222	1101020025	Nguyễn Vân	Anh	01/12/2005	KD11E	05	181	6,5	1	Anh	chấn
20	000223	1101020921	Trần Hoài	Anh	17/12/2005	KD11E	05	182	6,0	1	Anh	le
21	000224	1101020925	Lê Minh	Ánh	07/05/2005	KD11E	05	183	6,5	1	Anh	chấn
22	000225	1101020040	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/10/2005	KD11E	05	184	5,5	1	Anh	le
23	000226	1101020043	Nguyễn Thanh	Bình	02/12/2005	KD11E	05	185	5,0	1	Bình	chấn
24	000227	1101020053	Phùng Ngọc	Chúc	05/07/2005	KD11E	05	186	5,5	4	Chúc	le
25	000228	1001021433	Đinh Thành	Đạt	17/03/2004	KD11E	05					HP
26	000229	1101020059	Vương Thị	Diễn	19/08/2005	KD11E	05	187	5,8	1	Diễn	le
27	000230	1101020061	Nguyễn Thị	Diệp	17/03/2005	KD11E	05	188	5,0	4	Diệp	chấn
28	000231	1101021076	Lê Thùy	Dương	16/10/2005	KD11E	05	189	1,8	1	Dương	le

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000232	1101020072	Phạm Hải	Duy	22/11/2005	KD11E	05	190	4,5	1		chấn
30	000233	1101020074	Đặng Trà	Giang	15/03/2005	KD11E	05	191	7,5	1	Chị	lẻ
31	000234	1101020084	Phạm Thị Hồng	Hà	01/03/2005	KD11E	05	192	5,8	1	Hà	chấn
32	000235	1101020090	Lê Nguyễn Minh	Hằng	01/10/2005	KD11E	05	193	5,5	1	Hằng	lẻ
33	000236	1101020957	Nguyễn Thị	Hào	16/07/2005	KD11E	05	194	6,3	1	Hào	chấn

Tổng số sinh viên dự thi:....34....

Tổng số tờ giấy thi:....34...

Tổng số biên bản:....0.....

Ngày 12 tháng 01 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Ngọc Hoàng



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026
Học phần: Phân tích tài chính doanh nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000237	1101020103	Đặng Thị	Hoàn	26/10/2004	KD11E	05	31	5,3	01	Hoàn	lẻ
2	000238	1101020970	Nguyễn Thị	Hương	25/10/2005	KD11E	05	32	5,5	01	Hương	Chẵn
3	000239	1101020114	Phạm Thúy	Hường	02/10/2005	KD11E	05	33	8,5	01	Hường	Lẻ
4	000240	1101020122	Nguyễn Ngọc	Huyền	22/04/2005	KD11E	05	34	4,0	01	Huyền	Chẵn
5	000241	1101020129	Phạm Quốc	Khánh	02/09/2005	KD11E	05	35	4,5	01	Khánh	Lẻ
6	000242	1101020976	Vũ Ngọc	Khánh	13/10/2005	KD11E	05	36	5,5	01	Khánh	Chẵn
7	000243	1101020138	Vũ Thị	Lan	28/02/2005	KD11E	05	37	7,0	01	Lan	Lẻ
8	000244	1101020979	Cà Nhật Minh Ái	Lệ	01/08/2005	KD11E	05	38	7,0	01	Lệ	Chẵn
9	000245	1101020148	Lương Hải Khánh	Linh	02/09/2005	KD11E	05	39	1,8	01	Linh	Lẻ
10	000246	1101020156	Nguyễn Thị Hải	Linh	28/08/2005	KD11E	05	40	5,3	01	Linh	Chẵn
11	000247	1101020989	Vũ Thị Diệu	Linh	19/05/2005	KD11E	05	41	3,8	01	Linh	Lẻ
12	000248	1101020169	Đinh Thị Ngọc	Loan	03/08/2005	KD11E	05	42	4,5	01	Loan	Chẵn
13	000249	1101020175	Nguyễn Cẩm	Ly	01/07/2005	KD11E	05	43	5,5	01	Ly	Lẻ
14	000250	1101030618	Vương Thị Diệu	Ly	11/12/2005	KD11E	05	44	3,5	01	Ly	Chẵn
15	000251	1101020182	Đỗ Ngọc	Mai	17/08/2005	KD11E	05	45	6,5	01	Mai	Lẻ
16	000252	1101020995	Khổng Xuân	Mơ	10/05/2005	KD11E	05	46	5,5	01	Mơ	Chẵn
17	000253	1101021291	Nguyễn Thị	Nga	05/02/2004	KD11E	05	47	5,5	01	Nga	Lẻ
18	000254	1101021132	Nguyễn Thị Thúy	Nga	14/01/2005	KD11E	05	48	4,5	01	Nga	Chẵn
19	000255	1101020205	Đỗ Lê Hoàng	Ngọc	19/02/2005	KD11E	05	49	6,8	01	Ngọc	Lẻ
20	000256	1101021013	Lương Bảo	Ngọc	07/06/2005	KD11E	05	50	3,3	01	Ngọc	Chẵn
21	000257	1101020210	Nguyễn Thị	Nguyên	09/02/2005	KD11E	05	51	7,5	01	Nguyễn	Lẻ
22	000258	1101020218	Nguyễn Thị Yến	Nhi	26/10/2005	KD11E	05	52	4,8	01	Nhi	Chẵn
23	000259	1101021364	Phạm Hồng	Nhung	03/08/2005	KD11E	05	53	5,0	01	Nhung	Lẻ
24	000260	1101020249	Đỗ Thị Như	Quỳnh	22/04/2005	KD11E	05	54	5,8	01	Quỳnh	Chẵn
25	000261	1101020254	Vũ Thị	Quỳnh	17/02/2005	KD11E	05	55	6,0	01	Quỳnh	Lẻ
26	000262	1101020260	Trương Kiều	Thanh	26/03/2005	KD11E	05	56	5,5	01	Thanh	Chẵn
27	000263	1101020264	Nguyễn Phương	Thảo	11/10/2005	KD11E	05	57	6,0	01	Thảo	Lẻ
28	000264	1101020268	Nguyễn Vi	Thảo	10/01/2005	KD11E	05	58	3,5	01	Thảo	Chẵn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000265	1101020275	Lương Anh	Thư	01/07/2005	KD11E	05	53	6,0	01	Thư	le'
30	000266	1101020282	Nông Hạ	Thương	06/11/2005	KD11E	05	60	1,5	01	Thư	chấn
31	000267	1101021046	Nguyễn Thủy	Tiên	11/11/2005	KD11E	05	61	6,3	01	Tiên	le'.
32	000268	1101021054	Nguyễn Thị	Trang	15/08/2005	KD11E	05	62	4,0	01	Trang	chấn
33	000269	1101020308	Nguyễn Thùy	Trang	14/08/2005	KD11E	05	63	6,8	01	Trang	le'

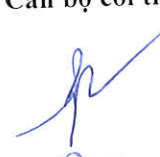
Tổng số sinh viên dự thi: 33.....

Tổng số tờ giấy thi: 33.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 12 tháng 01 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2


Nguyễn Thị Ngọc


Ngô Thị An



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Phân tích tài chính doanh nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000270	1101021335	Lê Minh	Tú	22/10/2004	KD11E	05	295	5,5	1	Tú	Chấn
2	000271	1101020316	Phạm Minh	Tuấn	08/09/2005	KD11E	05	296	5,5	1	Tuấn	le?
3	000272	1101020320	Đỗ Hồng	Vân	08/05/2005	KD11E	05	298	3,8	1	Vân	Chấn
4	000273	1101020325	Đỗ Quốc	Vương	24/09/2005	KD11E	05	299	2,0	1	Vương	le?
5	000274	1101021428	Triệu Thị Hà	Vy	24/10/2005	KD11E	05	300	2,0	1	Vy	Chấn
6	000275	1001020327	Bùi Cát	Tường	27/11/2004	KD10B	06	301	3,5	1	Tường	le?
7	000276	1101020011	Đỗ Văn	Anh	06/10/2005	KD11G	06	302	3,5	1	Anh	Chấn
8	000277	1101020017	Nguyễn Kim Hoàng	Anh	18/08/2005	KD11G	06	303	6,0	1	Anh	le?
9	000278	1101021352	Nguyễn Việt	Anh	26/04/2004	KD11G	06					HP,ĐK
10	000279	1101020028	Phạm Phương	Anh	01/08/2005	KD11G	06	304	3,5	1	Anh	le?
11	000280	1101020487	Phùng Thùy	Anh	15/02/2005	KD11G	06	305	5,0	1	Thùy	Chấn
12	000281	1101020777	Trần Thị Phương	Anh	28/07/2005	KD11G	06	306	1,5	1		le?
13	000282	1101020045	Phạm Thanh	Bình	11/11/2005	KD11G	06	307	5,8	1	Bình	Chấn
14	000283	1101020932	Đinh Thị	Châm	25/11/2005	KD11G	06	308	4,5	1	Châm	le?
15	000284	1101020056	Đoàn Khắc	Đạt	27/06/2005	KD11G	06	309	1,5	1	Đạt	Chấn
16	000285	1101020062	Đỗ Thị Hồng	Doan	08/12/2005	KD11G	06	310	6,0	1	Doan	le?
17	000286	1101020063	Lại Quảng	Đông	04/08/2005	KD11G	06	311	6,0	1	Đông	Chấn
18	000287	1101020068	Nguyễn Tài	Dương	14/11/2005	KD11G	06	312	7,5	1	Dương	le?
19	000288	1101020943	Đỗ Thị Hồng	Duyên	22/02/2005	KD11G	06	313	7,0	1	Duyên	Chấn
20	000289	1101020078	Phạm Thị Trà	Giang	08/04/2005	KD11G	06	314	3,5	1	Giang	le?
21	000290	1101020083	Nguyễn Thị Thu	Hà	21/06/2005	KD11G	06	315	7,0	1	Hà	Chấn
22	000291	1101020085	Phùng Hải	Hà	22/06/2005	KD11G	06	316	5,3	1	Hà	le?
23	000292	1101020091	Lê Thị	Hằng	13/05/2005	KD11G	06	317	3,3	1	Hằng	Chấn
24	000293	1101021334	Đinh Thu	Hiền	30/07/2005	KD11G	06	318	1,8	1	Hiền	le?
25	000294	0901020198	Nguyễn Minh	Hiếu	08/11/2003	KD11G	06	319	4,3	1	Hiếu	Chấn
26	000295	1101020109	Tô Ánh	Hồng	09/09/2005	KD11G	06	320	6,0	1	Hồng	le?
27	000296	1101020568	Trần Quang	Huy	13/04/2005	KD11G	06	321	4,5	1	Huy	Chấn
28	000297	1101020123	Nguyễn Ngọc	Huyền	30/07/2005	KD11G	06	322	3,5	1	Huyền	le?

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000298	1101020130	Phạm Thị	Khánh	01/11/2005	KD11G	06	323	7,0	01	Khánh	chẵn
30	000299	1101020977	Trần Trung	Kiên	22/02/2005	KD11G	06	324	8,8	01	Trần	lẻ
31	000300	1101021205	Phạm Thị Ngọc	Lan	04/05/2005	KD11G	06	325	1,5	01	Lan	chẵn
32	000301	1101020139	Hoàng Thị	Lệ	21/01/2005	KD11G	06	326	5,0	01	Lệ	lẻ
33	000302	1101020150	Lưu Thùy	Linh	02/01/2005	KD11G	06	297	6,3	01	Linh	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi:.....32

Tổng số tờ giấy thi:.....32

Tổng số biên bản:.....0

Ngày 12... tháng 1... Năm 2026 2

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Ngô Thị Ngọc

Nguyễn Phương Hạnh



195-227

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Phân tích tài chính doanh nghiệp

Mã đề

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000303	1101020166	Vũ Nguyễn Thùy	Linh	12/08/2005	KD11G	06	195	5,0	01	Linh	Lẻ
2	000304	1101020168	Vũ Thị Khánh	Linh	10/12/2005	KD11G	06	196	5,0	01	Linh	Chẵn
3	000305	1101021345	Đỗ Thị Thanh	Loan	03/12/2005	KD11G	06	197	5,8	01	Loan	Lẻ
4	000306	1101020172	Phạm Thị	Loan	05/02/2005	KD11G	06	198	5,5	01	Loan	Chẵn
5	000307	1101020197	Phạm Thị	Nga	01/02/2003	KD11G	06	199	8,0	01	Nga	Lẻ
6	000308	1101021333	Nguyễn Hoàn	Ngọc	07/08/2005	KD11G	06	200	7,0	01	Ngọc	Chẵn
7	000309	1101020207	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	08/11/2005	KD11G	06	201	7,8	01	Ngọc	Lẻ
8	000310	1101020212	Bùi Thị	Nguyệt	06/07/2005	KD11G	06	202	6,5	01	Nguyệt	Chẵn
9	000311	1101020221	Phạm Yến	Nhi	09/08/2005	KD11G	06	203	5,0	01	Nhi	Lẻ
10	000312	1101020658	Lương Tâm	Như	12/09/2004	KD11G	06	204	3,8	01	Như	Chẵn
11	000313	1101021019	Trần Hồng	Nhung	30/11/2005	KD11G	06	205	4,3	01	Nhung	Lẻ
12	000314	1101020229	Nguyễn Thị	Oanh	16/10/2005	KD11G	06	206	6,8	01	Oanh	Chẵn
13	000315	1101020236	Lý Thu	Phương	28/07/2005	KD11G	06	207	9,8	01	Thu	Lẻ
14	000316	1101021025	Vương Thị	Phương	30/06/2005	KD11G	06	208	9,5	01	Phương	Chẵn
15	000317	1101021029	Vũ Thị Như	Quỳnh	18/08/2005	KD11G	06	209	5,0	01	Quỳnh	Lẻ
16	000318	1101020258	Bùi Phương	Thanh	26/06/2005	KD11G	06	210	6,3	01	Thanh	Chẵn
17	000319	1101020894	Nguyễn Minh	Thành	14/02/2005	KD11G	06	211	4,0	01	Thành	Lẻ
18	000320	1101020265	Nguyễn Phương	Thảo	27/07/2005	KD11G	06	212	4,5	01	Thảo	Chẵn
19	000321	1101020276	Nguyễn Thị Anh	Thư	25/11/2005	KD11G	06	213	4,3	01	Thư	Lẻ
20	000322	1101020364	Lê Tô	Trang	12/09/2005	KD11G	06	214	8,3	01	Trang	Chẵn
21	000323	1101020297	Lục Hà	Trang	11/03/2005	KD11G	06	215	7,3	01	Trang	Lẻ
22	000324	1101020304	Nguyễn Thị Huyền	Trang	08/02/2005	KD11G	06	216	5,0	01	Trang	Chẵn
23	000325	1101021057	Nguyễn Thùy	Trang	28/10/2005	KD11G	06	217	6,0	01	Trang	Lẻ
24	000326	1101021062	Lê Minh	Tuân	09/04/2005	KD11G	06	218	7,3	01	Tuân	Chẵn
25	000327	1101020313	Đinh Lê Anh	Tuấn	17/09/2005	KD11G	06	219	2,5	01	Tuấn	Lẻ
26	000328	1101020321	Hoàng Thị Thanh	Vân	15/10/2005	KD11G	06	220	7,5	01	Vân	Chẵn
27	000329	1101020328	Phạm Thanh	Xuân	22/09/2005	KD11G	06	221	1,5	01	Xuân	Lẻ
28	000330	1101020330	Đỗ Ngọc	Yên	01/10/2005	KD11G	06	222	3,5	01	Yên	Chẵn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000331	1101020332	Đỗ Hải	Yên	23/08/2005	KD11G	06	223	4,5	01	Yên	lẻ
30	000332	1101060914	Hoàng Thị Minh	Anh	04/04/2005	KA11A	07	224	7,8	01	Anh	Đảm
31	000333	1101060336	Nguyễn Thị Phương	Anh	13/10/2005	KA11A	07	225	7,5	01	Anh	lẻ
32	000334	1101060337	Hoàng Minh	Châu	27/10/2005	KA11A	07	226	3,5	01	Châu	Chấn
33	000335	1101060048	Phạm Phương	Chi	09/11/2005	KA11A	07	227	4,0	01	Chi	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: ...33...

Tổng số tờ giấy thi: ...33..

Tổng số biên bản: ...33...

Ngày 12 tháng 01 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phan Thủy Nga Trần Thị Thanh Vân



1-30

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Phân tích tài chính doanh nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000336	1101060338	Phạm Ngọc	Đại	09/03/2005	KA11A	07	1	6,5	01	Đại	Đề chuẩn
2	000337	1101060339	Nguyễn Thị Hồng	Đào	20/11/2005	KA11A	07	2	5,8	01	Đào	lẻ
3	000338	1101061075	Phùng Xuân Tấn	Dũng	15/02/2005	KA11A	07	3	6,5	01	Phùng	chuẩn
4	000339	1101061077	Trần Khánh	Duy	10/07/2005	KA11A	07	4	4,5	01	Duy	lẻ
5	000340	1101060345	Vũ Thị Thu	Hiền	06/06/2005	KA11A	07	5	7,0	01	Hiền	chuẩn
6	000341	1101060347	Nguyễn Hữu	Hoàng	21/06/2005	KA11A	07	6	7,0	01	Huỳnh	lẻ
7	000342	1001060362	Trịnh Thiên	Hương	01/09/2004	KA11A	07	7	5,0	01	Hương	chuẩn
8	000343	1101060350	Đỗ Thị	Lan	06/09/2005	KA11A	07	8	6,0	01	Lan	lẻ
9	000344	1101060351	Quyền Hồng	Lựa	03/11/2005	KA11A	07	9	7,0	01	Lựa	chuẩn
10	000345	1101061079	Đỗ Tuấn	Mạnh	01/05/2005	KA11A	07	10	4,5	một	manh	lẻ
11	000346	1101061080	Ngô Bảo	Ngọc	04/11/2005	KA11A	07	—	—	—	—	ĐK
12	000347	1101061081	Nguyễn Bùi Bảo	Ngọc	22/12/2005	KA11A	07	11	1,5	01	Ngọc	lẻ
13	000348	1101060358	Chu Thanh	Thảo	24/01/2005	KA11A	07	12	6,3	01	Thảo	chuẩn
14	000349	1101060359	Nguyễn Thị	Thảo	13/08/2005	KA11A	07	13	6,3	02	Thảo	lẻ
15	000350	1101060361	Bùi Thị Phương	Thùy	15/10/2005	KA11A	07	14	7,8	01	Phụng	chuẩn
16	000351	1101061043	Hoàng Thị Phương	Thùy	08/05/2005	KA11A	07	15	5,3	02	Phụng	lẻ
17	000352	1101060363	Lê Thu	Trang	14/11/2005	KA11A	07	16	9,3	02	Tr	chuẩn
18	000353	1101061350	Tạ Thị Minh	Trang	12/08/2005	KA11A	07	17	8,3	04	Trang	lẻ
19	000354	1101060907	Lê Quang	Tú	09/04/2005	KA11A	07	18	4,5	01	Tú	chuẩn
20	000355	1101060367	Lê Nguyễn Anh	Tuấn	12/02/2005	KA11A	07	19	5,0	01	Tuấn	lẻ
21	000356	1001020073	Hà Linh	Chi	17/12/2004	KD10A	07	20	5,8	01	Chi	HP chuẩn
22	000357	1001020092	Đào Thị Thùy	Dương	05/11/2004	KD10A	07	21	4,3	01	Phượng	lẻ
23	000358	1001020976	Hoàng Tuấn	Hùng	17/08/2003	KD10A	07	22	Không	01	Hùng	chuẩn BB
24	000359	1001020972	Trương Thị Hồng	Hoa	01/11/2004	KD10E	07	23	5,5	01	Hoa	lẻ
25	000360	1001020037	Nguyễn Hoàng	Anh	03/01/2004	KD10G	07	24	2,8	01	Anh	chuẩn
26	000361	1001020342	Nguyễn Thị	Yên	22/02/2004	KD10H	07	25	8,0	01	Yên	HP lẻ
27	000362	1001010773	Tôn Ngọc	Dương	14/05/2004	NH10A	07	26	5,0	01	Đức	chuẩn
28	000363	0810121052	Đàm Vi	Nhật	01/10/2001	NH8A	07	27	5,8	một	phước	HP

HAZ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000364	1001030539	Nguyễn Việt	Hà	02/04/2004	QT10B	07	28	8,3	01	Hà	Chấn
30	000365	0901030547	Đình Thu	Trà	17/12/2003	QT9C	07	29	7,5	01	Trà	lẻ
31	000366	1001010852	Lê Phú	Quý	03/08/2003	TC10A	07					HP
32	000367	1001010757	Hán Mạnh	Cường	17/05/2004	TC10B	07	30	3,8	01	Cường	lẻ
33	000368	0901010763	Đào Bích	Ngọc	28/05/2002	TC9A	07					HP,ĐK

Tổng số sinh viên dự thi:.....30..

Tổng số tờ giấy thi:.....33..

Tổng số biên bản:.....01....

Ngày 12... tháng 01 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Ngọc Hà

Nguyễn Thị Thu